

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
DO HẠN CHẾ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT, THIẾT HẠI TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
DỰ ÁN XÂY DỰNG MẠCH 2 ĐƯỜNG DÂY 110KV VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV CÁT BÀ

Đơn vị: đồng

Số TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BB KK	Diện tích đất ảnh hưởng (m2)	Tổng số tiền (đồng)	Phương án chia ra			Ghi chú
						Đất	Vật kiến trúc	Cây cối hoa màu	
1	Lương Văn Lợi CCCD số 031069002810 vợ Nguyễn Thị Hải CCCD số 031171002524; Lương Ngọc Thao CCCD số 031085011583 - vợ Nguyễn Thị Hoa CCCD số 031188008908	Thôn 6 Cát Bà, đặc khu Cát Hải	01	90,5	748.888.000	645.808.000	97.482.000	5.598.000	
	CỘNG			90,5	748.888.000	645.808.000	97.482.000	5.598.000	

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
DO HẠN CHẾ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT, THIẾT HẠI TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
DỰ ÁN XÂY DỰNG MẠCH 2 ĐƯỜNG DÂY 110KV VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV CÁT BÀ

Hộ gia đình: **Lương Văn Lợi CCCD số 031069002810 vợ Nguyễn Thị Hải CCCD số 031171002524; Lương Ngọc Thao CCCD số 031085011583 - vợ Nguyễn Thị Hoa CCCD số 031188008908**

Địa chỉ: **Thôn 6 Cát Bà, đặc khu Cát Hải** Số BB: 01

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Đất			m2	90,5				645.808.000	
	Thửa 23a- TĐĐ13	Ngày 12/3/2025, Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải cấp GCNQSDĐ số AA00229343 mang tên ông Lê Văn Thảo vợ là Dương Thị Tường, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 47, diện tích 285,0m2, mục đích sử dụng đất ở nông thôn. Đến tháng 5 năm 2025, do không có nhu cầu sử dụng nên ông Lê Văn Thảo vợ là Dương Thị Tường đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông Lương Văn Lợi vợ là bà Lương Thị Hải và ông Lương Ngọc Thao vợ là bà Nguyễn Thị Hoa và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cát Hải thực hiện việc chỉnh lý đăng ký biến động đất đai và xác nhận ngày 12/5/2025. Phần diện tích 90,5m2 thuộc hành lang an toàn đường dây dẫn điện Dự án xây dựng mạch 2 đường dây 110KV và trạm biến áp 110KV Cát Bà là đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Đất ở nông thôn đã được cấp GCNQSDĐ;	m2	90,5	8.920.000	1,0	80%	645.808.000	Thông báo số 67/TB- UBND ngày 31/7/ 2025
		(Đường tỉnh 356, Khu vực 1, Từ đầu thôn Bến đến hết thôn Bến, VT1)								
	Đối với đất ở	Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 1, Điều 5 Quyết định 28/2024/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng								

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Diện tích đất được bồi thường là diện tích đất đủ điều kiện được bồi thường về đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn; Mức bồi thường một lần được xác định bằng 80% giá đất theo mục đích sử dụng cùng vị trí trong bảng giá đất.								
		Giá đất theo QĐ số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố Hải Phòng (Bảng 6.6)								
II	Vật kiến trúc								97.482.000	
1	Nhà ở	Móng đá học tường xây đá học 300 cao 4,6 m có gác xép S=4,6*10,1 (diện tích móng S=4,6*5,8) mái bằng BTCT								
	Cửa	Sắt xếp không áo tôn S=2,6*2,5								
	Nền	Lát gạch LD 30x30 S=9,5*4,3								
	Cửa lấy sáng	Khung gỗ dôi kính S=2,6*0,5								
	Chân tường	Ốp gạch LD 50x15 S=(4,0+8,5)*2*0,15+2,9*0,15*2-2,6*0,15-0,6*0,15								
	Cửa sổ	Song gỗ S=0,9*1,5*3								
		Khuôn đơn gỗ dôi L=1,1*2+1,5*2								
		Cánh ván ghép gỗ dề S=0,9*1,5*3								
	Phào kép	L=4,0+2,6*2*2 đg*3 khoang								
	Cửa lách	Khuôn đơn gỗ dề L=2,1*2+1,1								
	Cầu thang lên gác xép	Bằng gỗ dôi V=0,18*0,06*4,1*2								
	Lan can CT	Tay vịn thẳng gỗ dôi L=4,1 m, con tiện gỗ dôi 11 con cao 0,7 m								
	Trụ cầu thang	Bằng gỗ lim D10 cao 1,2 m 2 trụ (Vai cầu thang)								

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Bậc	Gỗ dổi dày 3 cm S=0,7*0,3*10								
		BTCT gác xép V=3,9*4,2*0,1								
		Nền gác xép lát gạch LD 30x30 S=4,0*3,6								
	Chân tường	Ốp gạch LD 50x15 S=(3,6+3,6+4)*0,15								
	Lan can gác xép	Tay vịn thẳng gỗ dổi L=3,9 m, con tiện gỗ dổi cao 0,6 m								
	Ốp trang trí	Gạch 30x30 S=4,0*0,15+0,15*0,15								
	Sơn trần	S=8,5*4+3,6*4 Sơn không bả)								
	Tường trước	Ốp gạch 20x30 S=4,6*4,6-2,6*2,5-2,6*0,5								
	Phào đơn	L=7,0*2 đg								
	Phào kép	L=7,0*2 đg								
	Mái hiên	Ốp gạch LD 20x30 S=7,0*0,3								
	Gờ chỉ XMC	L=2,0*2								
	Về nhà ở	<i>Không được tính mức hỗ trợ vì năm 2014 đã tính hỗ trợ theo Quyết định số 117/QĐ UBND ngày 16/01/2014 của UBND huyện Cát Hải</i>								
2	Bếp	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 110 mái tôn xi măng sườn gỗ không vì kèo, nền xi măng cát cao 3,3 m S=3,6*8,1	VKT.10361	m2 sàn XD	29,16	1.816.290	1,00	100%	52.963.016	
		Cộng phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 2,5 m: V=(3,3- 2,5)*(3,49+7,99)*2*0,11	VKT.20008	m3	2,02	2.016.542	1,00	100%	4.074.383	
		Cộng trát tường ngoài chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 2,5 m S=(3,3-2,5)*(3,6+8,1)*2	VKT.20077	m2	18,72	515.262	1,00	100%	9.645.705	

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		Cộng trát tường trong chên lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 2,5 m $S=(3,3-2,5)*(3,38+7,88)*2$	VKT.20078	m2	18,02	386.447	1,00	100%	6.962.229	
	Cửa sổ	Song sắt đặc 10x10; L=1,2*9*2+0,9*5*2+0,3*12+0,5*12*2 (W=0,79 kg/m)	VKT.20215	kg	36,50	45.000	1,00	100%	1.642.410	
	Bể nước (bể chìm)	Xây chìm gạch chỉ 220 nắp BTCT V=2,7*3,8*2,9 trong lòng bểp (2 ngăn)	VKT.20136	m3	29,75	2.876.017	1,00	100%	85.573.010	
		Giá trị xây mới (2)							160.860.753	
		Diện tích ảnh hưởng		m2	21,80					
		Tỷ lệ ảnh hưởng			74,8%				120.259.411	
		Xây dựng năm 1992								
		Sửa chữa năm 2020								
	Bồi thường hỗ trợ theo điểm a khoản 3 điều 16 Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ	" Trích dẫn điểm a khoản 3 điều 16 Nghị định 62: Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế địa phương quy định.								
		Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 2, Điều 5 Quyết định 28/2024/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng								

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Mức bồi thường hỗ trợ	<i>Tài sản được bồi thường là tài sản được tạo lập hợp pháp trên diện tích đất đủ điều kiện được bồi thường về đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn; Mức bồi thường một lần được xác định bằng 70% giá trị xây mới.</i>						70%	84.181.587	
3	Sân trước bếp	S=1,1*8,1		m2	8,91					
		Bê tông gạch vỡ dày 0,1	VKT.20014	m3	0,89	1.027.902	1,00	100%	915.861	
		Bê tông đá 1x2 dày 0,1	VKT.20015	m3	0,89	1.629.758	1,00	100%	1.452.114	
		Mặt láng XMC đánh màu	VKT.20043	m2	8,91	54.168	1,00	100%	482.637	
		Xây be đá hộc V=8,1*0,3*0,5	VKT.20004	m3	1,22	1.671.987	1,00	100%	2.031.464	
4	Sân cạnh nhà	S=12,9*2,9		m2	37,41					
		Bê tông gạch vỡ dày 0,1	VKT.20014	m3	3,74	1.027.902	1,00	100%	3.845.381	
		Bê tông đá 1x2 dày 0,1	VKT.20015	m3	3,74	1.629.758	1,00	100%	6.096.925	
		Mặt láng XMC đánh màu	VKT.20043	m2	37,41	54.168	1,00	100%	2.026.425	
		Xây be đá hộc V=5,4*0,25*0,5	VKT.20004	m3	0,68	1.671.987	1,00	100%	1.128.591	
		<i>Giá trị xây mới (3+4)</i>							17.979.398	
		<i>Diện tích xây dựng</i>		m2	46,3					
		Diện tích ảnh hưởng S1=7,9 m2+S2=9,75 m2 =17,65 m2		m2	17,65					
		Tỷ lệ ảnh hưởng			38,1%				6.850.958	
		Xây dựng năm 1992								
		Sửa chữa năm 2022								

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Bồi thường hỗ trợ theo điểm a khoản 3 điều 16 Nghị định 62/2025/NĐ- CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ	" Trích dẫn điểm a khoản 3 điều 16 Nghị định 62: Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế địa phương quy định.								
		Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 2, Điều 5 Quyết định 28/2024/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng								
	Mức bồi thường hỗ trợ	<i>Tài sản được bồi thường là tài sản được tạo lập hợp pháp trên diện tích đất đủ điều kiện được bồi thường về đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn; Mức bồi thường một lần được xác định bằng 70% giá trị xây mới. Mức bồi thường một lần được xác định bằng 70% giá trị xây mới.</i>						70%	4.795.671	
5	Giếng đào	Xây đá học D1,5 sâu 4,5 m	GTT	md	4,50	2.700.000	1,00	100%	12.150.000	
		<i>Giá trị xây mới</i>							12.150.000	
		Diện tích ảnh hưởng		m2	0,00					
		Tỷ lệ ảnh hưởng			100%				12.150.000	
		Xây dựng năm 1992								
		Sửa chữa năm 2020								

ST T	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số (lần)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
	Bồi thường hỗ trợ theo điểm a khoản 3 điều 16 Nghị định 62/2025/NĐ- CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ	" Trích dẫn điểm a khoản 3 điều 16 Nghị định 62: Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế địa phương quy định.								
		Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 2, Điều 5 Quyết định 28/2024/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng								
	Mức bồi thường hỗ trợ	<i>Tài sản được bồi thường là tài sản được tạo lập hợp pháp trên diện tích đất đủ điều kiện được bồi thường về đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn; Mức bồi thường một lần được xác định bằng 70% giá trị xây mới. Mức bồi thường một lần được xác định bằng 70% giá trị xây mới.</i>						70%	8.505.000	
III	Cây trên đất								5.598.000	
1	Xoài có quả	D61 01 cây	QĐ 3596	Cây	1,0	1.866.000	1,00	100%	1.866.000	
		D48 02 cây	QĐ 3596	Cây	2,0	1.866.000	1,00	100%	3.732.000	
		Cây xoài (Tên khoa học: Mangifera indica L.; mật độ trồng 350cây/ha)								
		Tính bồi thường tối đa: $350/10.000 \times 90,5 = 3,2$ cây. Làm tròn: 03 cây								
		Cộng							748.888.000	